

Bản án số: **199/2019/HS-PT**
Ngày 31 - 12 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang

Các Thẩm phán: Ông Lê Trọng Hân

Ông Võ Văn Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 164/2019/TLPT-HS ngày 26 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Đỗ Hoàng K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 160/2019/HS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đỗ Hoàng K (tên gọi khác: Gù) – Sinh ngày: 15/02/2000 tại R – Kiên Giang. Nơi cư trú: Số 218 Cách mạng tháng 8, khu phố 1, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không, trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hoàng B và bà Nguyễn Thị V; tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Hà L, sinh năm: 2003

Địa chỉ: Số 86 Nguyễn Thiện Thuật, phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện theo pháp luật của Huỳnh Hà L: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1950 (Mẹ ruột Huỳnh Hà L). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Hoàng K (tên gọi khác Gù) và Huỳnh Hà L (sinh ngày 05/5/2003) là bạn chơi chung, cả B không có nghề nghiệp, để có tiền chơi điện tử cả B đã rủ nhau tìm tài sản sơ hở để trộm. K và L mượn của anh Huỳnh Văn T xe Max biển kiểm soát 68HY- 0988 (xe không có giấy tờ) để làm phương tiện đi trộm cắp:

+ *Vụ thứ nhất:* Vào 23 giờ (không xác định được ngày) khoảng giữa tháng 04/2019, K điều khiển xe gắn máy, biển số 68HY-0988 chở L chạy từ đường Cách Mạng Tháng 8 vào chợ nhà lồng S thuộc khu phố 1, phường S, thành phố R tìm tài sản lấy trộm. Khi K và L đi đến đầu chợ S thì L xuống xe đi bộ vào bên trong chợ tìm tài sản sơ hở để lấy trộm, còn K đậu xe bên ngoài lối đi chờ sẵn để canh giới, canh đường cho L. Khi L đi đến khu vực bán tạp hoá, L phát hiện ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1966, trú tại số 12 Đinh Công Tráng, khu phố 3, phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nằm ngủ trên võng và để 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo A7, màu xám đen đang sạc pin cặp bên người. Quan sát thấy ông H ngủ say nên L lấy trộm chiếc điện thoại đó rồi đi ra xe chỗ K đang đợi sẵn và cả B cùng nhau tẩu thoát. Đến khoảng 9 giờ sáng ngày hôm sau, K và L đem chiếc điện thoại lấy trộm được của ông H đến cửa hàng điện thoại di động “Saigon Mobile” ở số 27 Mai Thị Hồng Hạnh, khu phố 1, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang bán cho chị Trần Thị Ngọc L1, sinh năm 1973 trú tại số 12 Trần Cao Vân, khu phố 2, phường S, thành phố R (chị L1 là chủ cửa hàng), chị L1 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên đã đồng ý mua với giá 1.500.000 đồng, sau đó chị L1 bán lại chiếc điện thoại này cho khách mua hàng nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Số tiền 1.500.000 đồng có được sau khi bán điện thoại, K và L cùng nhau tiêu xài hết.

+ *Vụ thứ B:* Khoảng 23 giờ ngày 28/4/2019, K điều khiển xe gắn máy biển số 68HY-0988 chở L chạy từ đường Cách Mạng Tháng 8 đến Trung tâm Bách hoá tổng hợp S, thành phố R tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực Bách hoá tổng hợp, phát hiện chị Phạm Thị B, sinh năm 1978, trú tại số 17/9C Nguyễn Chí Thanh, khu phố 3, phường S, thành phố R đang nằm trên võng trông giữ trái cây nhưng đã ngủ quên và trên tay chị B có cầm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro J730, màu vàng đồng. Quan sát không thấy ai, L bước xuống xe, đi bộ đến chỗ chị B đang nằm ngủ và lấy trộm chiếc điện thoại trên tay chị B rồi leo lên xe cho K chạy xe đi. Đến khoảng 9 giờ sáng ngày hôm sau, K và L đem chiếc điện thoại lấy trộm được của chị B đến cửa hàng điện thoại di động “Saigon Mobile” bán cho chị Trần Thị Ngọc L1 được số tiền là 400.000 đồng và cả B tiêu xài hết.

+ *Vụ thứ ba:* Khoảng 23 giờ ngày 23/9/2019, K và L đi bộ từ đường Cách Mạng Tháng 8 đến chợ nhà lồng S để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực bán rau bên trong chợ, K và L phát hiện chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2000, trú tại khu phố Quang Mẫn, thị trấn G, huyện G, tỉnh K Giang đang nằm ngủ trên ghế bố và có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng hồng ở cặp bên người và đang mở nhạc để nghe. Quan sát thấy chị H đã ngủ say, L đi đến lấy trộm chiếc điện thoại của chị H rồi cả B nhanh chóng đi ra khỏi chợ. Đến khoảng 9 giờ sáng ngày hôm sau, K và L mang chiếc điện thoại lấy trộm của chị H đến cửa hàng điện thoại di động “Saigon Mobile” bán cho chị Trần Thị Ngọc L1 được số tiền là 3.000.000 đồng và cả B tiêu xài hết.

+ *Vụ thứ tư*: Cách vụ thứ ba khoảng một đến hai ngày, khoảng 24 giờ K điều khiển xe gắn máy biển số 68HY-0988 chở L chạy từ đường Cách Mạng Tháng 8 vào chợ nhà lồng S để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực bán rau, L xuống xe đi bộ vào bên trong tìm tài sản lấy trộm, còn K đậu xe bên ngoài lối đi để canh giới, canh đường. Tại đây L phát hiện chị La Thị T, sinh năm 1975, trú tại số 372 khu phố Thành Công, thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang đang nằm ngủ trên võng và để cái bọc nylon bên trong có số tiền khoảng 4.000.000 đồng (không xác định chính xác là bao nhiêu tiền) cặp bên người. Quan sát thấy chị T ngủ say, L liền lấy trộm cái bọc nylon của chị T rồi ra xe cho K điều khiển tẩu thoát về đường Cách Mạng Tháng 8. Trên đường đi L lấy 1.000.000 đồng trong bọc nylon cất giấu để sử dụng riêng, không cho K biết nên khi K và L dừng xe ở bên lề đường (đối diện trường học Trần Văn Ôn) để kiểm tra bọc tiền thì đếm được số tiền là 2.005.000 đồng. Đến sáng hôm sau, L nói thật cho K biết việc giấu riêng 1.000.000 đồng và đưa cho K cất giữ, tổng số tiền K giữ là 3.005.000 đồng, sau đó cả hai tiêu xài hết.

+ *Vụ thứ năm*: Cách vụ thứ tư khoảng một đến hai ngày, khoảng 23 giờ K điều khiển xe gắn máy biển số 68HY-0988 chở L đến chợ nhà lồng S tìm tài sản sơ hở của người dân để lấy trộm. Khi đến khu vực bán thịt heo, K dừng xe bên ngoài lối đi canh giới, canh đường còn L đi bộ vào bên trong, L phát hiện một người đàn ông (chưa rõ tên và địa chỉ) đang nằm ngủ trên sạp bán thịt heo và để một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S (loại 3 game), màu đỏ cặp bên người. Quan sát thấy người đàn ông này đã ngủ say, L liền lấy trộm chiếc điện thoại rồi ra xe cho K điều khiển tẩu thoát. Đến 9 giờ sáng hôm sau, K và L đã mang chiếc điện thoại này đến cửa hàng điện thoại di động “Saigon Mobile” bán cho chị Trần Thị Ngọc L1 được số tiền là 1.900.000 đồng và tiêu xài hết. Đến nay, Cơ quan điều tra chưa xác định được bị hại và cũng không thu hồi được tài sản.

+ *Vụ thứ sáu*: Cách vụ thứ năm khoảng một đến hai ngày, khoảng 23 giờ, K điều khiển xe gắn máy biển số 68HY-0988 chở L đến chợ nhà lồng S tiếp tục tìm tài sản của người dân để lấy trộm. Khi đến khu vực bán rau, K dừng xe bên ngoài lối đi canh giới, canh đường cho L vào bên trong tìm tài sản lấy trộm. L phát hiện một phụ nữ (chưa rõ tên và địa chỉ) đang nằm ngủ trên ghế bố và để một chiếc điện thoại Samsung J3, màu đen cặp bên người. Quan sát thấy người phụ nữ đã ngủ say, L liền lấy trộm điện thoại rồi đi ra xe cho K điều khiển tẩu thoát. Đến 9 giờ sáng hôm sau, K và L đã mang chiếc điện thoại này đến cửa hàng điện thoại di động “Saigon Mobile” bán cho chị Trần Thị Ngọc L1 được số tiền là 800.000 đồng và tiêu xài hết. Đến nay, Cơ quan điều tra chưa xác định được bị hại và cũng không thu hồi được tài sản.

+ *Vụ thứ bảy*: Cách vụ thứ sáu khoảng một đến hai ngày, khoảng 23 giờ, K điều khiển xe gắn máy biển số 68HY-0988 chở L đến chợ nhà lồng S tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực bán cá, K đậu xe bên ngoài lối đi canh giới, canh đường cho L vào bên trong tìm tài sản lấy trộm. L phát hiện có một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J3 Pro, màu đen của ai đó để ở trên chiếc ghế nhựa dùng để ngồi bán cá. Quan sát không thấy ai, L lấy trộm chiếc điện thoại rồi đi ra xe cho K điều khiển chạy ra đường Cách Mạng Tháng 8. Khi lên đến cầu Quảng, thuộc khu phố 2, phường Vĩnh Lợi thì K và L đã bán chiếc điện thoại cho một thanh niên lạ mặt được số tiền là

1.000.000 đồng và cả hai tiêu xài hết. Đến nay, Cơ quan điều tra chưa xác định được bị hại và cũng không thu hồi được tài sản.

+ *Vụ thứ tám:* Cách vụ thứ bảy một đến hai ngày, khoảng 23 giờ K điều khiển xe gắn máy biển số 68HY-0988 chở L đến chợ nhà lồng S tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực bán cá, L phát hiện một người đàn ông (chưa rõ tên và địa chỉ) đang nằm ngủ trên võng và có để một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia cảm ứng (không rõ đời máy), màu đen ở cặp bên người. Thấy người đàn ông đã ngủ say nên L lấy trộm chiếc điện thoại và đi ra xe cho K điều khiển tẩu thoát. Đến 9 giờ sáng hôm sau, K và L đã mang chiếc điện thoại này đến cửa hàng điện thoại di động “Saigon Mobile” bán cho chị Trần Thị Ngọc L1 được số tiền là 800.000 đồng và tiêu xài hết. Đến nay, Cơ quan điều tra chưa xác định được bị hại và cũng không thu hồi được tài sản.

+ *Vụ thứ chín:* Sau khi thực hiện vụ thứ tám xong, K tiếp tục điều khiển xe gắn máy chở L đi từ chợ nhà lồng S đến công trình xây dựng ở số 58A Đinh Công Tráng, khu phố 3, phường S, thành phố R. Tại đây, cả hai phát hiện anh Nguyễn Thanh Sang, sinh năm 1989, trú tại ấp Nhân Thọ 1, xã Nhân Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ đang nằm ngủ trông coi công trình xây dựng nên K dừng xe cho L đi bộ vào bên trong tìm tài sản lấy trộm. Khi vào bên trong công trình, L phát hiện anh Sang để một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia TA1010, màu đen cặp bên người. Thấy anh Sang đã ngủ say, L lấy trộm điện thoại rồi ra xe K điều khiển tẩu thoát. Chiếc điện thoại này, L giữ lại sử dụng và sau đó bị rơi mất, đến nay không xác định được giá trị và cũng không thu hồi được.

+ *Vụ thứ mười:* Khoảng 23 giờ ngày 11/5/2019, K điều khiển xe gắn máy biển số 68HY-0988 chở L đến Trung tâm bách hoá tổng hợp S tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nơi, L phát hiện ông Ngô Văn V, sinh năm 1969, trú tại số 430 Nguyễn Biểu, khu phố 2, phường Vĩnh Lợi đang nằm ngủ trên ghế bô trông coi trái cây và có để một chiếc điện thoại Samsung J7, màu đen cặp bên người để sạc pin. Nhưng lúc này, xung quan còn có người khác đang thức nên L để K ở lại chờ còn L điều khiển xe chạy vòng ra phía sau đường Đinh Công Tráng (sau lưng Trung tâm bách hoá tổng hợp) thì gặp anh Huỳnh Văn T là cậu ruột của L đòi lại chiếc xe biển số 68HY-0988 mà T đã cho L mượn trước đó. Do đã trả xe cho anh T nên L đi bộ vòng ra phía trước Trung tâm Bách hoá tổng hợp và lấy trộm được chiếc điện thoại của ông V thì bị người dân tri hô nên L cầm điện thoại bỏ chạy ra đường Đinh Công Tráng và cùng lúc này anh T chạy xe ngang qua để về nhà nên L đi nhờ xe của T xuống bến xe tỉnh Kiên Giang. Đến trưa ngày 12/5/2019, Công an phường S mời K về trụ sở làm việc và K thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Còn L khi nghe tin K bị Công an mời làm việc thì L đã đem theo chiếc điện thoại Samsung J7 lấy trộm của ông V bỏ trốn lên Cần Thơ và bán chiếc điện thoại cho người đàn ông lạ mặt được số tiền là 700.000 đồng và một mình tiêu xài hết.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Hoàng K và Huỳnh Hà L thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản và phối hợp với Cơ quan điều tra làm rõ nội dung vụ án. Ngoài ra, K và L còn tự nguyện khai ra thêm nhiều vụ trộm cắp tài sản mà cả 02 đã thực hiện trước đó. Đến ngày 25/6/2019, Đỗ Hoàng K bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R khởi

tổ, ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra về hành vi trộm cắp tài sản. Riêng Huỳnh Hà L chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

** Vật chứng trong vụ án:*

- 01 (một) chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Wayec số loại 50 (kiểu dáng Max), màu đỏ, dung tích xi lanh 49, biển kiểm soát 68HY-0988, số máy: 139FM103203, số khung: CB7UMA1103203 (Xe mang tên Lê Thị Lệ Thi, địa chỉ số 214/46/2B đường Quang Trung, khu phố Võ Trường Toản, phường Vĩnh Quang, thành phố R đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe, nhưng hiện tại bà Thi đã bán nhà đi nơi khác sinh sống nên Cơ quan điều tra không làm việc được). Xe gắn máy đã qua sử dụng và bên trong máy chưa được kiểm tra - Đã được nhập kho vật chứng, theo Lệnh số 100/LNK-CSĐT, ngày 12/8/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R.

* Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 94/KL-TCKH, ngày 18/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R, kết luận tài sản ngày 23/4/2019 (Vụ thứ 3 - Giám định qua hồ sơ).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6S Plus 32Gb Gold (màu vàng hồng), số Imei: 358611074206063, đã qua sử dụng, có giá trị là 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm ngàn đồng).

* Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 95/KL-TCKH, ngày 18/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R, kết luận tài sản ngày 18/4/2019 (Vụ thứ 2 - Giám định qua hồ sơ).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro J730 Gold (màu vàng đồng), số Imei: 356446082787800, điện thoại đã bị bể nứt màn hình và đã qua sử dụng, có giá trị là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng).

* Tại Văn bản số 38/TCKH-TS, ngày 21/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R về việc từ chối giám định tài sản bị thiệt hại theo yêu cầu, xác nhận:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 (loại thường), màu đen, đã qua sử dụng. Hội đồng định giá nhận thấy tài sản nêu trên không thu hồi được, không có hóa đơn chứng từ, không xác định được chủng loại, dung lượng, cấu hình, xuất xứ cụ thể nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R không có cơ sở định giá tài sản bị thiệt hại nêu trên và từ chối định giá tài sản theo yêu cầu.

* Tại bản Kết luận Giám định pháp y về độ tuổi số 371/KL-PY, ngày 18/6/2019 của Trung tâm Pháp y Kiên Giang, kết luận về độ tuổi của Huỳnh Hà L như sau: Tại thời điểm ngày 11/5/2019, Huỳnh Hà L có độ tuổi là: Từ đủ 16 năm đến 16 năm 6 tháng.

**** Tại bản án sơ thẩm số: 160/2019/HSST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

*** Xử phạt:** Bị cáo **Đỗ Hoàng K - 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 46, điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015. Ghi nhận thỏa thuận bồi thường, bị cáo K và Huỳnh Hà L liên đới bồi thường cho các bị hại tài sản lấy trộm, cụ thể:

- Bồi thường cho anh Nguyễn Thanh H: 01 điện thoại Oppo A7 với số tiền: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

- Bồi thường cho chị Phạm Thị Bé B: 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 với số tiền: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc H: 01 điện thoại Iphone 6S plus với số tiền: 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

- Bồi thường cho anh Huỳnh Thanh S: 01 điện thoại Nokia TA 1010 với số tiền: 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

- Bồi thường cho anh Ngô Văn V: 01 điện thoại Samsung J7 với số tiền: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

* Ngày 29 tháng 10 năm 2019 bị cáo Đỗ Hoàng K có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo xin được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đỗ Hoàng K thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng tội của bị cáo, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Hoàng K về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với bản chất lười lao động và muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án 01 năm 06 tháng tù là phù hợp, không nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Về phần trách nhiệm dân sự không có kháng cáo, kháng nghị nhưng sau khi xem xét nhận thấy bản án sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và Huỳnh Hà L phải liên đới bồi thường cho các bị hại nhưng không phân chia trách nhiệm cụ thể cũng như không quy rõ việc cùng chịu trách nhiệm bồi thường đối với mẹ của L là bà Huỳnh Thị H (vì L là người chưa thành niên). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Huỳnh Thị H thống nhất thay L bồi thường cho các bị hại, đồng thời những người có quyền

kháng cáo không kháng cáo phần này nên không cần thiết phải hủy một phần sơ thẩm để xét xử lại.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm: Do cần tiền tiêu xài, Đỗ Hoàng K cùng với Huỳnh Hà L rủ nhau đi trộm cắp tài sản. L mượn xe gắn máy từ anh Huỳnh Văn T cùng với K chạy đến chợ nhà Lồng S lợi dụng đêm khuya sơ hở cả B thực hiện trộm tài sản. Khi đến nơi thì L vào trong chợ để tìm tài sản, K đứng ngoài làm nhiệm vụ canh giới, sau khi lấy được tài sản thì K chờ L tẩu thoát, đem tài sản đi bán lấy tiền cùng nhau tiêu xài. Khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến ngày 11/5/2019 K và L thực hiện trót lọt 10 vụ trộm cắp tài sản. Theo kết quả định giá, các tài sản bị cáo và Huỳnh Hà L trộm có giá trị là 16.805.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 xét xử bị cáo Đỗ Hoàng K về tội “*Trộm cắp tài sản*” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đối với Huỳnh Hà L, do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ về địa phương xử lý là đúng quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Bị cáo là người còn trẻ, đang trong độ tuổi lao động, đúng ra bị cáo phải biết cố gắng lao động thật tốt để kiếm được những đồng tiền chân chính, lương thiện để nuôi bản thân và gia đình. Trái lại, bị cáo lại là người lười biếng lao động, cộng với bản tính tham lam, thích hưởng thụ mà không phải lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của người khác để kiếm tiền tiêu xài. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 và xử phạt bị cáo mức án 01 năm 06 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay rất khó khăn, cha mẹ ly hôn, bị cáo sống cùng bà ngoại và hiện là lao động chính trong gia đình, hơn nữa bị cáo K

có nhược điểm về thể chất (khuyết tật gù lưng) nên cũng phần nào hạn chế khả năng thực hiện các hoạt động của bị cáo, nghĩ nên cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và đồng thời cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật nước ta. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Về phân trách nhiệm dân sự:

Cấp sơ thẩm tuyên ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa Huỳnh Hà L và bị cáo Đỗ Hoàng K liên đới bồi thường cho các bị hại nhưng không xác định trách nhiệm mỗi người phải bồi thường số tiền cụ thể bao nhiêu ? Cấp sơ thẩm xác định người đại diện hợp pháp cho Huỳnh Hà L nhưng không tuyên buộc trách nhiệm của bà Huỳnh Thị H (mẹ ruột L) là chưa đúng quy định pháp luật và còn gây khó khăn trong quá trình thi hành án; do L là người chưa thành niên, bản thân L không có tài sản riêng nên bà H phải cùng chịu trách nhiệm với L bồi thường cho các bị hại.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Huỳnh Thị H đồng ý tự nguyện có trách nhiệm liên đới cùng bị cáo K (tự nguyện bồi thường thay cho L) bồi thường cho các bị hại, HĐXX xét thấy việc tự nguyện này của bà H là phù hợp pháp luật nên HĐXX ghi nhận. Vì vậy, nên không cần thiết phải hủy án phân trách nhiệm dân sự, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Riêng đối với người bị hại La Thị T, trong quá trình điều tra bà T không có yêu cầu bị cáo và Huỳnh Hà L phải bồi thường tiền lại cho bà (bút lục 132) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tuyên buộc bị cáo và L phải bồi thường cho bà T là không phù hợp. Tuy nhiên, do không có kháng cáo, kháng nghị đối với phần này nên Hội đồng xét xử giữ nguyên.

Như vậy, tổng số tiền bồi thường của bị cáo Đỗ Hoàng K cho các bị hại là 9.727.500 đồng (Chín triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng); Bà Huỳnh Thị H phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 13.727.500 đồng (Mười ba triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng), cụ thể cho từng bị hại như sau:

- Bị cáo Đỗ Hoàng K và bà Huỳnh Thị H mỗi người bồi thường cho anh Nguyễn Thanh H số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bị cáo Đỗ Hoàng K và bà Huỳnh Thị H mỗi người bồi thường cho chị Phạm Thị Bé B số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).
- Bị cáo Đỗ Hoàng K và bà Huỳnh Thị H mỗi người bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- Bị cáo Đỗ Hoàng K và bà Huỳnh Thị H mỗi người bồi thường cho anh Huỳnh Thanh S số tiền 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).
- Bị cáo Đỗ Hoàng K và bà Huỳnh Thị H mỗi người bồi thường cho bà La Thị T số tiền 1.502.500 đồng (Một triệu năm trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng).
- Bà Huỳnh Thị H phải bồi thường cho anh Ngô Văn V số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm phân chia trách nhiệm cụ thể của bị cáo K và Huỳnh Hà L phải bồi thường cho các bị hại, đồng thời buộc bà Huỳnh Thị H cùng có trách nhiệm với Huỳnh Hà L bồi thường cho các bị hại là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận. Tuy nhiên, đối với phần trách nhiệm hình sự, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù đối với bị cáo K là có phần hơi nghiêm khắc, nên HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo K cũng đủ nghiêm và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nước ta.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Hoàng K;
- Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 160/2019/HSST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

* **Xử phạt:** Bị cáo **Đỗ Hoàng K - 01 (một) năm tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Đỗ Hoàng K, và bà Huỳnh Thị H tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền 23.455.000 đồng, trong đó, bị cáo Đỗ Hoàng K phải bồi thường số tiền là 9.727.500 đồng; bà Huỳnh Thị H bồi thường số tiền là 13.727.500 đồng, cụ thể cho các bị hại như sau:

- Bị cáo Đỗ Hoàng K và bà Huỳnh Thị H mỗi người bồi thường cho anh Nguyễn Thanh H số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Đỗ Hoàng K và bà Huỳnh Thị H mỗi người bồi thường cho chị Phạm Thị Bé B số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Đỗ Hoàng K và bà Huỳnh Thị H mỗi người bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

- Bị cáo Đỗ Hoàng K và bà Huỳnh Thị H mỗi người bồi thường cho anh Huỳnh Thanh S số tiền 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Bị cáo Đỗ Hoàng K và bà Huỳnh Thị H mỗi người bồi thường cho bà La Thị T số tiền 1.502.500 đồng (Một triệu năm trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng).

- Bà Huỳnh Thị H phải bồi thường cho anh Ngô Văn V số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án số 160/2019/HS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Quang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trọng Hân

Võ Văn Linh

Nguyễn Thành Quang

u